

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ LƯƠNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST  
Ngày 18/5/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Hồng Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngu

2. Bà Đặng Thị Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:**  
Ông: Lương Dương Tùng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 11/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST – HS ngày 05/3/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn H**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 03/12/1990.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm G, xã T1, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H1, sinh năm 1963 và bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1960; Có vợ là: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989, có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh 2019.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 02

- Tại bản án số 34/2015/HSST ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn H 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

- Tại bản án số 62/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xử phạt Phạm Văn H 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phùng Văn T**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 05/10/1991.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã T1, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Văn Th, sinh năm 1949 và bà: Phùng Thị K, sinh năm 1958; Có vợ là: Nguyễn Thị H3, sinh năm 1999, có 01 sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Xóm A, xã V, huyện P, tỉnh T. (Có mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Bà Phạm Hồng Ng, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố S, thị trấn G1, huyện P, tỉnh T.

2. Anh Dương Văn P1, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm A, xã V, huyện P, tỉnh T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/9/2019, Phạm Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM BKS 20E1-012.67 từ nhà ra thị trấn Giang Tiên theo đường liên xã Vô Tranh – Giang Tiên. Khi đi đến khu vực đồi nghĩa trang thuộc xóm 1/5, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, H dừng xe lại và phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave ZX BKS 20L1-8679 của bà Phạm Thị Nh đang dựng tại lán trên đồi chè nhà ông Vũ Đình L3 (sinh năm 1985, cùng xóm với bà Nh). Quan sát xung quanh không có người nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. H điều khiển xe mô tô của mình đi ra ngã ba thị trấn Giang Tiên, gửi xe tại nhà bà Phạm Hồng Ng và mượn 01 chiếc tuốc nơ vít của bà Ng. Sau đó H đi bộ quay lại đồi chè đến vị trí để chiếc xe mô tô của bà Nh. H dùng tuốc nơ vít tra vào ổ khóa xe để phá khóa nhưng không phá được. H liền dùng tay pH cạy cánh yếm xe, kéo dây điện ổ khóa ra ngoài rồi dùng răng cắn đứt dây điện ổ khóa, lúc này đồng hồ công tơ mét của xe bật sáng, H liền ngồi lên xe dùng chân đạp cần đạp nổ máy xe, điều khiển xe trôi dốc xuống chân đồi chè rồi đi về. Đến gần nhà, H giấu chiếc xe mô tô vừa trộm được tại khu nghĩa trang của xóm G, xã T1 rồi đi bộ về nhà lấy xe mô tô khác của mình ra quán sửa xe máy của Phùng Văn T ở xóm Đ, xã T1, huyện P để hỏi bán xe H vừa trộm cắp được. Tại quán H gặp T và nói: “*anh có*

*mua đồ không?”, T hiểu “đồ” là phụ tùng của xe máy nhưng do đang bận việc nên trả lời: “không”, H nói tiếp: “ ...Em cứ mang ra cho anh xem, anh tháo lấy được gì thì lấy để em mang xe đến.....”. T hỏi lại: “ ...Thế nguồn gốc xe thế nào ?”, H nói: “ Xe người ta cầm quá hạn mười ngày, chủ xe ở Động Đạt em có quyền bán...”. Sau đó H đi lấy chiếc xe mô tô 20L1-8679 lấy trộm được của bà Nh để mang đến bán cho T. Tại quán H nói: “Đẩy xe đấy, anh lấy được đồ nào thì lấy, em bán”, T nhìn xe và bảo “...anh mua cả xe, không lấy đồ nữa...” “...anh mua cả xe thì hai triệu...”. T nhìn dáng người của H giống người nghiện ma túy nên có nghi ngờ chiếc xe máy này là do H phạm tội mà có nhưng T vẫn đồng ý mua, hai bên thỏa thuận giá bán xe là 2.000.000đ. Để không bị phát hiện, T bảo với H tháo chiếc biển kiểm soát 20L1-8679 của xe ra và dùng máy đánh xăm bằng kim loại để chà, xóa số khung số máy và bảo H điều khiển xe vào nhà ở của T tại xóm K3, T1, huyện P để cất giấu, H đồng ý và thực hiện. Sau khi tháo biển, chà số khung, số máy xong, H hỏi “...Biển có để đây không..”, T nói “...vứt đâu thì vứt...”. Đi được khoảng 01km trên đường vào nhà T để cất xe, H dừng xe lại, mở cốp xe để cất biển kiểm soát 20L1-8679 nhưng không đặt vừa nên H đã vứt chiếc biển kiểm soát này cạnh bãi cỏ cạnh mép đường bê tông, thuộc địa phận xóm K3, xã T1. Lúc này H thấy bên trong cốp xe có một chiếc ví giả da màu nâu của bà Phạm Thị Nh, kiểm tra trong ví thấy có tiền và nhiều giấy tờ cá nhân, H cầm chiếc ví cất vào người rồi tiếp tục điều khiển xe đi theo T. Khi đến nhà thì H giao xe và nhận số tiền 2.000.000đ của T và nói “..nếu em lấy được đăng ký của xe thì anh đưa em thêm năm trăm nữa...”. Sau đó H nhờ T chở ra đường Quốc lộ 3 mới Thái Nguyên - Bắc Kạn để bắt xe Bus đi xuống khu vực thành phố T. Tại đây H kiểm tra ví và đếm thấy có số tiền khoảng 1.100.000đ, H giữ lại tiền và ví, còn các giấy tờ của bà Nh thì H vứt ở rìa đường cạnh mương nước cách mép đường Quốc lộ 3 mới 07m thuộc xóm Liên Hồng 2, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương rồi H lên xe bus đi xuống thành phố T.*

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, H đi xe Bus quay lại nhà bà Ng để lấy xe mô tô đã gửi lúc sáng, đồng thời trả cho bà Ng số tiền 4000đ là tiền gửi xe. Tại đây bà Ng có đòi lại chiếc Tuốc nơ vít nhưng do H quên là chiếc Tuốc nơ vít vẫn còn trong túi quần của H nên H bảo đã bị mất sẽ đền sau. Sau đó H điều khiển xe đi về nhà, trên đường về H vứt chiếc tuốc nơ vít ở gần một chiếc cầu thuộc đường liên xã Vô Tranh - T1, nhưng không xác định được vị trí cụ thể. Khi đi đến xóm Khe Xiêm, xã T1, H lấy số tiền trong ví và vứt chiếc ví cạnh bụi tre bên lề đường rồi đi thẳng về nhà. Khoảng 18 giờ cùng ngày, do lo sợ sự việc trộm cắp xe máy bị phát hiện nên H đã gọi điện cho T và nói: “Nếu mà có ai hỏi đến xe thì bảo không có ai mang xe như thế đến bán cả, con xe đấy tốt nhất là anh bỏ nó đi, hoặc tháo nó ra, tốt nhất nên đi vào buổi tối...”. Nghe H nói, T càng biết rõ và khẳng định đây là chiếc xe máy là do H phạm tội mà có, lo sợ bị phát hiện thu hồi gây thiệt hại cho bản thân nên T đã lấy chiếc biển kiểm soát 30X8-4112 có sẵn ở quán mang vào nhà ở để lắp vào chiếc xe mô tô đã

mua của H trước đó. Sau đó T điều khiển xe ra quán của mình để thay đổi nhãn mác và một số phụ tùng, bộ phận của xe gồm: Thay vành phanh đĩa trước thành vành phanh cơ; thay hai giảm xóc trước thành giảm xóc phanh cơ; thay củ tay phanh dầu thành củ tay phanh cơ; thay chấn bunn nhựa trước và hai ốp vai từ màu đỏ thành màu đen; lắp hai cánh yếm nhựa màu màu đen; thay mặt nạ màu đỏ thành màu đen; sơn phần nhựa đỏ (hai bên ốp sườn xe) và mặt bàn thờ từ màu đỏ thành màu đen; Sơn ống xả màu trắng thành màu đen; sơn hai lốc máy màu bạc thành màu đen; dán tem Wave 110; lắp gương chiếu hậu kiểu gương thời trang bên trái. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bà Nh ra lấy xe về thì phát hiện xe đã bị mất, nên bà Nh làm đơn trình báo đến Công an huyện P.

Cơ quan điều tra đã T hành áp dụng các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ. Đến hồi 11 giờ ngày 21/9/2019 đã thu giữ được 01 xe mô tô nhãn hiệu HondaWave ZX số máy HC09E -5130431, số Y083319, gắn BKS 30X8/4112 và các phụ tùng, phụ kiện liên quan gồm: 01 vành kim loại trước, 02 thụt giảm xóc bằng kim loại phía trước, 01 cụm phanh đĩa bánh trước, 01 chấn bunn nhựa màu đỏ củ bánh trước, 01 mặt nạ nhựa màu đỏ, 02 ốp vai nhựa màu đỏ do Phùng Văn T giao nộp. Hồi 09 giờ ngày 08/10/2019 thu giữ 01 đăng ký xe mô tô số 009507 mang tên trần Duy Tôn, địa chỉ: Thôn Võng La, xã Võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội, biển số đăng ký 30X8-4112.

Tại Kết luận định giá tài sản số 67 ngày 30/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trọng tố tụng hình sự huyện P, kết luận: Giá trị của xe mô tô BKS 20L1-8679 là 3.750.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1337/KL-HTHS ngày 03/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận số khung, số máy Ng thủy của xe máy BKS 20L1-8679 là số máy HC09E-5130431, số khung Y 083319 trùng với số khung, số máy của chiếc xe mà bà Nh đã bị trộm cắp.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave ZX số máy: HC09E – 5130431, số khung Y083319 và các phụ tùng, phụ kiện liên quan đến xe mô tô 20L1 – 8679 gồm: BKS 20L1 – 8679, 01 vành kim loại trước, 02 thụt giảm xóc bằng kim loại phía trước, 01 cụm phanh đĩa bánh trước, 01 chấn bunn nhựa màu đỏ củ bánh trước, 01 mặt nạ nhựa màu đỏ, 02 ốp vai nhựa màu đỏ; 01 ví giả da màu nâu, 01 thẻ Đảng viên, 01 thẻ Bảo hiểm y tế, 01 Chứng minh nhân dân; 01 Đăng ký xe mô tô BKS: 20L1-8679, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Giấy chứng nhận Bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô đều mang tên Phạm Thị Nh và 01 thẻ Bảo hiểm y tế mang tên: Nguyễn Thị H Linh, SN: 1993, Đ/c: xóm 1/5, xã Vô tranh, P, T (là con gái bà Nh). Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Phạm Thị Nh quản lý, sử dụng. Cơ quan điều tra đang tạm giữ tại Kho vật chứng Công an huyện P: 01 máy đánh xăm bằng kim loại hình trụ tròn dài 21 cm, đường kính 03,2cm, một đầu rỗng, đầu còn lại được gắn đá mài hình cầu màu hồng gắn cố định tại một trục, quay xung quanh, trên

thân hình trụ có chữ nước ngoài; 01 cà lê 10 bằng kim loại, dài 14 cm, một đầu tròn, một đầu mở, trên thân có chữ “VENUS DROP FORED” do Phùng Văn T tự nguyện giao nộp.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình Phạm Văn H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị Nh, bà Nh nhận đủ tiền, không có yêu cầu đề nghị gì. Phùng Văn T đã tự nguyện mua lại chiếc xe máy biển kiểm soát: 20L1-8679 cùng toàn bộ đồ vật có liên quan đến chiếc xe máy của bà Phạm Thị Nh với giá 10.000.000đ. Bà Nh làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSPL ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 173 BLHS 2015, truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội “*Tiêu thụ tài sản người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn H và Phùng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án...

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ Ng quan điểm truy tố đối với bị cáo Phùng Văn T và Phạm Văn H, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H mức án từ 30 – 36 tháng tù giam.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T mức án từ 6 – 9 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 – 18 tháng.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Buộc các bị cáo pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: các bị cáo, người bị hại đều không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: cả hai bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án... Do vậy, đã đủ cơ sở để kết tội: Khoảng 08 giờ ngày 19/9/2019, tại khu vực đồi chè nhà ông Vũ Đình Lộc ở xóm 1/5, xã Vô Tranh, huyện P, Phạm Văn H trộm cắp 01 mô tô nhãn hiệu HONDA-Wave ZX, BKS 20L1-8679 trị giá 3.750.000 đồng, 01 ví giả da bên trong có 1.100.000 đồng của bà Phạm Thị Nh. Sau đó H mang bán chiếc xe mô tô này cho Phùng Văn T được 2.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Phùng Văn T biết rõ đây là tài sản do H phạm tội mà có nên khi mua được xe đã xóa số khung, số máy, thay đổi nhãn mác và một số phụ tùng của xe nhằm che dấu việc phạm tội.

Như vậy, hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như sau:

Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...

g) Tái phạm nguy hiểm”.

Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào không hứa hẹn trước mà tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương.

[4] Xét vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm gián đơn thực hiện hành vi phạm tội với vai trò độc lập, tuy không có sự bàn bạc, thống nhất kế hoạch thực hiện hành vi phạm tội nhưng hai bị cáo đều cùng thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực.

[5] Xét các yếu tố về nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo H có nhân thân xấu, bản thân bị cáo đã có 02 tiền án, bị cáo không chịu sửa chữa, tu dưỡng bản thân mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng vì hám lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51. Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo H và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bà Nh nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bà Nh có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng nào.

[7] Về hình phạt: Xét tính chất của vụ án, các yếu tố nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo thấy rằng cần cách ly bị cáo H ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi của bị cáo mới đảm bảo răn đe, giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo T, có 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do vậy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo không có tài sản thu nhập ổn định.

[8] Vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 máy đánh xăm bằng kim loại hình trụ tròn dài 21 cm, đường kính 03,2cm, một đầu rỗng, đầu còn lại được gắn đá

mài hình cầu màu hồng gắn cố định tại một trục, quay xung quanh, trên thân hình trụ có chữ nước ngoài; 01 cà lê 10 bằng kim loại, dài 14 cm, một đầu tròn, một đầu mở, trên thân có chữ “VENUS DROP FORED”

[9] Trách nhiệm dân sự: Phạm Văn H và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bà Nh, bà Nh đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu đề nghị gì. Phùng Văn T đã tự nguyện mua lại chiếc xe máy biển kiểm soát: 20L1-8679 cùng toàn bộ đồ vật có liên quan đến chiếc xe máy của bà Phạm Thị Nh với giá 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Nh không yêu cầu, đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Cần buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với biển kiểm soát xe mô tô 30X8-4112 mà Phùng Văn T đã lắp vào chiếc xe máy mua của bị can Phạm Văn H ngày 19/09/2019 bị tạm giữ trong đăng ký xe mang tên ông Trần Duy Tôn, Sn: 1956 trú tại: Đội 1, thôn Võng La, xã Võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội. Qua xác minh hiện ông Tôn đang quản lý sử dụng 01 (một) chiếc xe máy mang BKS: 30X8-4112 nhãn hiệu Honda AIRBLADE từ năm 2010 cho đến nay. Quá trình sử dụng ông Tôn không bị mất hay đánh rơi và cũng không bị ai chiếm đoạt chiếc biển số trên. Qua tra cứu chiếc biển kiểm soát này không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng mà cơ quan công an đang quản lý. Cơ quan CSĐT tách vật chứng là chiếc biển kiểm soát 30X8-4112 ra khỏi vụ án này để tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ pháp luật sẽ xử lý sau là phù hợp.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt cũng như các vấn đề khác là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điểm g Khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS, đối với bị cáo H; căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với T; Điều 47 BLHS; Điều 106 135, 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí 2015; Nghị Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Phùng Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

1. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2019. Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.



Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 9 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND xã T1, huyện P, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 máy đánh xăm bằng kim loại hình trụ tròn dài 21 cm, đường kính 03,2cm, một đầu rỗng, đầu còn lại được gắn đá mài hình cầu màu hồng gắn cố định tại một trục, quay xung quanh, trên thân hình trụ có chữ nước ngoài; 01 cà lê 10 bằng kim loại, dài 14 cm, một đầu tròn, một đầu mở, trên thân có chữ “VENUS DROP FORED”

3. Án phí: Buộc mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS Phú Lương;
- Công an Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên;
- THAHS- Công an tỉnh TN
- Bị cáo, bị hại;

Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Hồng Nam**

